

Bản án số: 129/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-8-2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Tân

Ông Nguyễn Xuân Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 431/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lại Hồng L, sinh năm: 1965

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* ông Trần Văn Q, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lại Hồng L trình bày: Bà và ông Trần Văn Q tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 1986 tại UBND xã T, huyện X, tỉnh Đồng Nai.. Đây là lần kết hôn đầu của ông bà. Cuộc sống chung của ông bà hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, ông Q chửi bới đánh đập, nhiều lần xúc phạm bà. Ông bà đã tự hòa giải nhiều lần nhưng ông Q vẫn không

thay đổi tính tình. Vợ chồng không sống chung với nhau từ tháng 5/2022 đến nay, từ khi không sống chung vợ chồng không quan tâm và không nói chuyện với nhau. Hiện nay, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Trần Thị Hồng T, sinh ngày 09/4/1989, Trần Tuấn Đ, sinh ngày 26/6/1991, Trần Tuấn A, sinh ngày: 26/02/1995 và Trần Tuấn Ng sinh ngày 08/01/1997. Khi ly hôn, con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà không yêu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn Q trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Lời trình bày của bà L về mâu thuẫn vợ chồng là có nhưng ông không đánh đập bà L. Cuộc sống chung của ông bà có xảy ra cãi vã, hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau và cũng không nói chuyện và hòa giải được với nhau. Tuy nhiên ông vẫn còn thương vợ, thương con nên ông không đồng ý ly hôn. Nếu bà L kiên quyết ly hôn thì ông đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: ông bà có 04 con chung là Trần Thị Hồng T, sinh ngày 09/4/1989, Trần Tuấn Đ, sinh ngày 26/6/1991, Trần Tuấn A, sinh ngày: 26/02/1995 và Trần Tuấn Ng sinh ngày 08/01/1997, hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cơ bản đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn bà Lại Hồng L và bị đơn ông Trần Văn Q đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lại Hồng L, cho bà L được ly hôn với ông Trần Văn Q. Về con chung: Trần Thị Hồng T, sinh ngày 09/4/1989; Trần Tuấn Đ, sinh ngày 26/6/1991; Trần Tuấn A, sinh ngày 26/02/1995 và Trần Tuấn Nguyên, sinh ngày 08/01/1997 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lại Hồng L, ông Trần Văn Q có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lại Hồng L và ông Trần Văn Q tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 1986 tại UBND xã T, huyện X, tỉnh Đồng Nai. nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Bà Lại Hồng L khai cuộc sống chung của ông bà sau khi kết hôn phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông Q không tôn trọng bà, thường xuyên cãi vã đánh đập, chửi bới bà. Ông Q cũng thừa nhận cuộc sống của ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng có xảy ra cãi vã, hiện nay ông và bà L không còn sống chung với nhau, nên xác định việc bà L và ông Q mâu thuẫn với nhau là có. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của bà L và ông Q mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L là phù hợp với Điều 56 Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà L và ông Q có 04 con chung là Trần Thị Hồng T, sinh ngày 09/4/1989 Trần Tuấn Đ, sinh ngày 26/6/1991, Trần Tuấn A, sinh ngày: 26/02/1995 và Trần Tuấn Ng sinh ngày 08/01/1997. Các con chung của ông Q bà L đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Bà L và ông Q trình bày không yêu cầu giải quyết tài sản chung do vậy không giải quyết.

Về nợ chung: Bà L và ông Q trình bày vợ chồng không có nợ chung nên không giải quyết.

Về án phí: Bà Lại Hồng L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lại Hồng L.

1. Chấp nhận cho bà Lại Hồng L được ly hôn với ông Trần Văn Q.
 2. Về con chung: Con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không giải quyết.
 3. Về tài sản chung: Bà Lại Hồng L và ông Trần Văn Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.
 4. Về nợ chung: Bà Lại Hồng L và ông Trần Văn Q khai không có nợ chung nên không giải quyết.
 5. Về án phí: Bà Lại Hồng L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí bà L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 000667 ngày 07/7/2022 được tính trừ vào án phí. Bà L đã nộp đủ
- Bà Lại Hồng L và ông Trần Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

Bùi Thị Thanh